

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DE PARIS
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DE PARIS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DE PARIS TRADING AND SERVICE INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DE PARIS INVEST CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109926374

3. Ngày thành lập: 09/03/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn 7, Xã Phú Cát, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0868.66.1515

Fax:

Email: deparis55555@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa	4610
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
3.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
4.	Bán buôn thực phẩm	4632
5.	Bán buôn đồ uống	4633
6.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
7.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
9.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
10.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
11.	Trồng cây ăn quả	0121
12.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
13.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
14.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
15.	Chăn nuôi gia cầm	0146
16.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
17.	Khai thác thủy sản biển	0311
18.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
19.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321

20.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
21.	Đào tạo sơ cấp	8531
22.	Đào tạo trung cấp	8532
23.	Đào tạo cao đẳng	8533
24.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
25.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
26.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Dạy bay; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
27.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
28.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
29.	Hoạt động bảo tồn, bảo tàng	9102
30.	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên	9103
31.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
32.	Hoạt động thể thao khác	9319
33.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321

34.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che.v.v...; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; - Kinh doanh dịch vụ vũ trường (Theo Điều 5 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019); - Kinh doanh dịch vụ karaoke (Theo Điều 4 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019);	9329
35.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
36.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
37.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
38.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
39.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
40.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dịch vụ đánh giày, khâu vá, giúp việc gia đình; - Dịch vụ chăm sóc, huấn luyện động vật cảnh; - Các hoạt động nhượng quyền sử dụng máy hoạt động bằng đồng xu như: Máy cân, máy kiểm tra huyết áp...	9639
41.	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế Chi tiết: - Dịch vụ kế toán (Điều 59 Luật kế toán 2015); - Dịch vụ làm thủ tục về thuế (Điều 101 Luật quản lý thuế năm 2019)	6920
42.	Hoạt động tư vấn quản lý (Trừ tư vấn thuế và tư vấn luật)	7020
43.	Cho thuê xe có động cơ	7710
44.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
45.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
46.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
47.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

48.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
49.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
50.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
51.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
52.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
53.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
54.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
55.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
56.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
57.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
58.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất súp và nước xuyết; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt; - Sản xuất dấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi. - Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất men bia; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo; - Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến; - Sản xuất thực phẩm chức năng.	1079
59.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
60.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
61.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ	5225
62.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
63.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610(Chính)
64.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
65.	Dịch vụ ăn uống khác	5629

66.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
67.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
68.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính Chi tiết: - Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính (trừ bản quyền, như sách hoặc phần mềm); - Nhận tiền nhuận bút hoặc phí giấy phép của việc sử dụng: + Bằng sáng chế, + Thương hiệu hoặc nhãn hiệu dịch vụ, + Nhãn hàng, + Thỏa thuận quyền kinh doanh, + Tài sản vô hình phi tài chính khác.	7740
69.	Đại lý du lịch	7911
70.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990

6. Vốn điều lệ: 300.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	HÀ THỊ DUYÊN	Việt Nam	Khối Quyết Tiến, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	165.000.000	55,000	017498880	
2	NGUYỄN GƯƠNG NGỌC	Việt Nam	Thôn Cổ Tích, Xã Đồng Cương, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	135.000.000	45,000	135093065	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HÀ THỊ DUYÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 26/11/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 017498880

Ngày cấp: 16/09/2013

Nơi cấp: Công an Hà Nội

Địa chỉ thường trú: *Khối Quyết Tiến, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Khối Quyết Tiến, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội